TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH
HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ

ĐGMH_BM 1a

2413
D71.103

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Triết học Mác - Lênin (180050)
Số tín chỉ 3
Nhóm/Lớp: (17 -)/DA22TTA
CBGD: Nguyễn Văn Phương (00341)

Hình thức đánh giá: Trắc nghiệm
Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc: 24/03/2023
Phòng thi: D71.103

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đối tượng SV	Ghi chú
1	110122001	Nguyễn Huỳnh	Chí	27/10/2004	Nam	8,4	3,8	6,1	001			
2	110122002	Lê Khánh	Duy	04/11/2004	Nam	8,4	4,0	6,2	002			
3	110122003	Phan Nguyễn Hoàng	Hân	14/10/2004	Nam	9,2	6,0	7,6	003			
4	110122004	Phạm Thành Tư	Hản	26/02/2004	Nam	8,9	3,0	6,0	004			
5	110122005	Nguyễn Phước	Hiệp	13/01/2004	Nam	8,8	4,5	6,7	005			
6	110122006	Nguyễn Nhựt	Hóa	27/11/2004	Nam	8,8	2,0	5,4	006			
7	110122007	Tiêu Anh	Huy	30/03/2004	Nam	8,8	3,8	6,3	007			
8	110122008	Phạm Hoàng	Kha	11/07/2004	Nam	9,8	5,0	7,4	008			
9	110122009	Dương Bảo	Khanh	01/09/2004	Nam	8,6	5,3	7,0	009			
10	110122011	Đào Công Hoàng	Lam	17/03/2004	Nam	8,3	5,3	6,8	010			
11	110122013	Thạch Thị Xuân	Linh	05/02/2004	Nữ	9,0	3,3	6,2	011			
12	110122014	Nguyễn Tấn	Lợi	17/09/2004	Nam	8,8	5,3	7,1	012			
13	110122016	Phạm Hữu	Luân	18/06/2004	Nam	8,5	4,8	6,7	013			
14	110122017	Mai Trần Thanh	Nhật	11/05/2004	Nam	7,9	3,5	5,7	014			
15	110122018	Nguyễn Huỳnh Yến	Như	05/01/2004	Nữ	8,7	4,8	6,8	015			
16	110122019	Nguyễn Hoàng	Phúc	24/03/2004	Nam	9,4	4,3	6,9	016			
17	110122020	Lý Thanh	Tâm	26/03/2004	Nam	7,8	4,3	6,1	017			
18	110122023	Nguyễn Lê Minh	Thiện	15/03/2004	Nam	8,6	4,0	6,3	018			63
19	110122024	Sơn Minh	Trí	10/08/2004	Nam	9,1	4,3	6,7	019			
20	110122025	Nguyễn Nhựt	Trường	25/03/2003	Nam	8,3	5,0	6,7	020			

Tổng số sv, hs trên danh sách: 20
Tổng số sv, hs dự đánh giá: 20
Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 20
Tổng số tờ:.....

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 05 tháng 5 năm 2023

Cán bộ coi thi 1: Trần Thị Ngọc Thuần

Cán bộ coi thi 2:.....

Cán bộ ghi điểm: Sơn Sơn Ca

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Lành

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH
HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ

ĐGMH_BM 1a

2413
D71.104

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Triết học Mác - Lênin (180050)
Số tín chỉ 3
Nhóm/Lớp: (17 -)/DA22TTA
CBGD: Nguyễn Văn Phương (00341)

Hình thức đánh giá: Trắc nghiệm
Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc 24 / 03 / 2023
Phòng thi: D71.104

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đối tượng SV	Ghi chú
1	110122026	Nguyễn Trường	Vũ	26/05/2004	Nam	8,2	5,5	6,9	001	Vũ		
2	110122027	Huỳnh Phạm Nhật	An	30/09/2004	Nam	8,2	4,0	6,1	002	An		
3	110122030	Nguyễn Thiên	Ân	21/01/2004	Nam	9,0	4,5	6,8	003	Ân		
4	110122031	Trương Hoài	Ân	23/09/2004	Nam	8,9	3,3	6,1	004	Ân		
5	110122032	Bùi Quốc	Anh	10/06/2004	Nam	7,9	2,8	5,4	005	Anh		
6	110122033	Nguyễn Hữu	Anh	25/12/2004	Nam	8,8	2,8	5,8	006	Anh		
7	110122034	Châu Gia	Bảo	30/05/2004	Nam	8,3	4,0	6,2	007	Bảo		
8	110122035	Huỳnh Quốc	Bảo	18/06/2004	Nam	8,7	2,8	5,8	008	Bảo		
9	110122036	Lê Hoàng	Bảo	14/10/2004	Nam							Vắng
10	110122037	Trần Gia	Bảo	23/03/2004	Nam	9,2	5,0	7,1	010	Bảo		
11	110122038	Trần Văn	Bi	09/12/2003	Nam	7,8	3,0	5,4	011	Bi		
12	110122041	Nguyễn Trí	Cường	25/07/2004	Nam	8,8	4,8	6,8	012	Cường		
13	110122043	Triệu Chanh	Đa	18/03/2004	Nam	8,9	4,3	6,6	013	Đa		
14	110122045	Trần Quốc	Đạm	27/09/2004	Nam	8,9	4,5	6,7	014	Đạm		
15	110122046	Hứa Khánh	Đăng	29/11/2004	Nam	8,9	5,0	7,0	015	Đăng		
16	110122047	Lê Khánh	Đăng	24/05/2004	Nam	8,5	4,5	6,5	016	Đăng		
17	110122048	Mai Tuấn	Đạt	24/01/2004	Nam	8,4	3,3	5,9	017	Đạt		
18	110122049	Tăng Phát	Đạt	24/02/2004	Nam	8,8	3,3	6,1	018	Đạt		
19	110122050	Trần Minh	Điền	02/02/2004	Nam	9,3	7,0	8,2	019	Điền		
20	110122051	Lâm Thanh	Đinh	28/05/2004	Nam	8,4	3,5	6,0	020	Đinh		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 20
Tổng số sv, hs dự đánh giá: 19
Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 19
Tổng số tờ: 19

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 05 tháng 5 năm 2023

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Anh Phi

Cán bộ ghi điểm: Sơn Sơn Ca

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra:

Nguyễn Thị Lành

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH
HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ

ĐGMH_BM 1a

2413
D71.107

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Triết học Mác - Lênin (180050)
Số tín chỉ 3
Nhóm/Lớp: (17 -)/DA22TTA
CBGD: Nguyễn Văn Phương (00341)

Hình thức đánh giá: TN
Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc: 21/03/2023
Phòng thi: D71.107

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đối tượng SV	Ghi chú
1	110122052	Lâm Trương	Định	01/04/2004	Nam	8,3	4.0	6,2	001			
2	110122104	Huỳnh Hữu	Lộc	08/02/2004	Nam	8,9	5.3	7,1	002			
3	110122182	Nguyễn Duy	Tín	03/04/2004	Nam	9,0	4.5	6,8	003			
4	110122214	Nguyễn Phúc	An	22/12/2003	Nam	9,1	4.8	7,0	004			
5	110122217	Nguyễn Trọng	Đạt	08/12/2003	Nam	8,4	4.3	6,4	005			
6	110122218	Kiên Thị Bé	Hai	16/07/2003	Nữ	8,9	4.0	6,5	006			
7	110122219	Trần Ngọc	Hành	17/08/2004	Nam	8,3	3.8	6,1	007			
8	110122220	Trần Dinh	Hiển	20/06/2004	Nam	8,5	3.5	6,0	008			
9	110122221	Nguyễn Thanh	Hiếu	02/03/2001	Nam	8,9	5.0	7,0	009			
10	110122222	Nguyễn Trọng	Hiếu	12/02/2003	Nam	8,4	4.5	6,5	010			
11	110122252	Lê Đặng	Phong	07/10/2002	Nam	8,8	4.3	6,6	011			

Tổng số sv, hs trên danh sách: 11
Tổng số sv, hs dự đánh giá: 11
Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo:.....
Tổng số tờ:.....

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 05 tháng 5 năm 2023

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Ngọc Thiết

Cán bộ ghi điểm: Sơn Sơn Tà

Cán bộ coi thi 2:.....

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Lành

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH
HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ

ĐGMH_BM 1a

2413
D71.105

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Triết học Mác - Lênin (180050)
Số tín chỉ 3
Nhóm/Lớp: (17 -)/DA22TTB
CBGD: Nguyễn Văn Phương (00341)

Hình thức đánh giá: Trắc nghiệm
Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc 24/3/2023
Phòng thi: D71.105

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đối tượng SV	Ghi chú
1	110122107	Hồ Hoàng	Long	28/11/2003	Nam	8,4	4,8	6,6	001	Long		
2	110122108	Nguyễn Hữu	Luân	19/09/2004	Nam	9,1	5,8	7,5	002			
3	110122109	Nguyễn Minh	Luân	01/01/2003	Nam	8,2	3,5	5,9	003			
4	110122110	Phạm Công	Luận	06/04/2004	Nam							Vắng
5	110122113	Phạm Minh	Mẫn	23/11/2003	Nam	9,2	4,0	6,6	005			
6	110122114	Dương Văn	Minh	05/04/2004	Nam							Vắng
7	110122115	Thạch Nhựt	Minh	13/12/2004	Nam	7,9	4,3	6,1	007			
8	110122116	Lâm Văn	Na	01/01/2003	Nam	8,8	2,8	5,8	008	Na		
9	110122117	Nguyễn Thành	Nam	01/10/2004	Nam	8,3	4,3	6,3	009	Nam		
10	110122118	Thái Quí	Nam	28/01/2004	Nam	8,4	4,0	6,2	010			
11	110122119	Võ Nhật Duy	Nam	11/11/2004	Nam	7,8	2,5	5,2	011			
12	110122120	Huỳnh Lê Thảo	Ngân	24/12/2004	Nữ							Vắng
13	110122122	Phạm Thị Kim	Ngân	15/05/2003	Nữ	9,8	4,0	6,7	013			
14	110122123	Lưu Bích	Ngọc	29/08/2004	Nữ	8,2	4,8	6,6	014			
15	110122124	Võ Bảo	Ngọc	17/10/2004	Nam	8,2	2,5	5,4	015			
16	110122125	Nguyễn Hoàng Đạt	Nguyên	25/02/2004	Nam	8,9	4,8	6,9	016			
17	110122126	Trầm Khôi	Nguyên	27/01/2004	Nam	8,9	4,8	6,9	017			
18	110122127	Trương Nguyễn Tố	Nguyên	13/01/2004	Nữ	7,9	6,6	7,2	018			
19	110122128	Thạch	Nhanh	17/11/2004	Nam	8,6	4,5	6,6	019			
20	110122129	Hồ Văn Minh	Nhật	28/05/2004	Nam	3,8						Vắng

Tổng số sv, hs trên danh sách: 20
Tổng số sv, hs dự đánh giá: 16
Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 16
Tổng số tờ:

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 03 tháng 5 năm 2023

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Văn Phương

Cán bộ ghi điểm: Sơn Sơn Ca

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Lành

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH
HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ

ĐGMH_BM 1a

2413
D71.106

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Triết học Mác - Lênin (180050)
Số tín chỉ 3
Nhóm/Lớp: (17 -)/DA22TTB
CBGD: Nguyễn Văn Phương (00341)

Hình thức đánh giá: TN
Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc: 24/3/2023
Phòng thi: D71.105

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đối tượng SV	Ghi chú
1	110122130	Phạm Minh	Nhật	28/06/2004	Nam	8,4	5,0	6,7	001			
2	110122131	Nguyễn Thị Xuân	Nhi	26/09/2004	Nữ	9,2	4,0	6,6	002			
3	110122132	Trầm Nguyễn Phương	Nhi	23/06/2004	Nữ							
4	110122133	Trần Thị Yến	Nhi	26/02/2004	Nữ	9,4	3,3	6,4	004			
5	110122134	Võ Minh	Nhựt	25/06/2004	Nam	9,5	5,3	7,4	005			
6	110122135	Nguyễn Duy	Phát	03/11/2004	Nam	8,9	2,5	5,7	006			
7	110122136	Thạch Sô	Phát	07/06/2000	Nam	9,0	4,3	6,7	007			
8	110122138	Thạch Sâm Sô	Phiếp	18/03/2004	Nam	8,4	4,3	6,4	008			
9	110122140	Nguyễn Văn	Phúc	08/11/2004	Nam	9,2	3,8	6,5	009			
10	110122141	Thạch Hoàng	Phúc	16/01/2004	Nam	8,3	3,5	5,9	010			
11	110122142	Trần Trung	Phúc	30/07/2004	Nam	8,9	4,0	6,5	011			
12	110122143	Nguyễn Thị Thanh	Phụng	28/08/2004	Nữ	8,5	4,8	6,7	012			
13	110122144	Kiều Tấn	Phước	18/08/2004	Nam	8,4	2,8	5,6	013			
14	110122145	Đinh Hoài	Phương	24/10/2004	Nam	8,5	5,5	7,0	014			
15	110122146	Đinh Minh	Phương	27/12/2002	Nam	9,3	3,5	6,4	015			
16	110122147	Trương Thị Mỹ	Phương	06/03/2004	Nữ	8,9	5,0	7,0	016			
17	110122148	Nguyễn	Quân	20/01/2004	Nam	8,4	3,8	6,1	017			
18	110122150	Cô Nhân	Quý	04/12/2001	Nam	8,3	4,0	6,2	018			
19	110122151	Nguyễn Thị Mỹ	Quyên	24/02/2004	Nữ	8,3						
20	110122152	Nguyễn Khai	Tâm	29/04/2004	Nam	8,5	5,0	6,8	020			

Tổng số sv, hs trên danh sách: 20
Tổng số sv, hs dự đánh giá: 18
Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 18
Tổng số tờ: 18

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 03 tháng 5 năm 2023

Cán bộ coi thi 1: Dương Kim Hoàn

Cán bộ ghi điểm: Sơn Sơn Ca

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Lành

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH
HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ

K2 ĐGMH_BM 1a
2413
D71.103

6

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Triết học Mác - Lênin (180050)
Số tín chỉ 3
Nhóm/Lớp: (17 -)/DA22TTB
CBGD: Nguyễn Văn Phương (00341)

Hình thức đánh giá: Trắc nghiệm
Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc 24/03/2023
Phòng thi: D71.103

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đối tượng SV	Ghi chú
1	110122154	Sơn Ngọc	Tân	19/08/2004	Nam	7,9	3,5	5,7	001			
2	110122155	Nguyễn Sơn	Tây	19/10/2004	Nam	8,8	2,3	5,6	002			
3	110122156	Châu Vĩnh	Thái	24/12/2004	Nam							
4	110122157	Huỳnh Quốc	Thái	28/01/2004	Nam	8,5	4,0	6,3	004			
5	110122158	Lê Hữu	Thắng	20/04/2004	Nam	8,5	2,3	5,4	005			
6	110122159	Hà Dương	Thành	06/08/2004	Nam	7,9	2,5	5,2	006			
7	110122223	Nguyễn Đình Nhật	Huy	24/11/2004	Nam	8,5	3,5	6,0	007			
8	110122224	Nguyễn Anh	Huy	29/03/2004	Nam							
9	110122225	Huỳnh	Khải	26/02/2004	Nam	7,9	6,0	7,0	009			
10	110122226	Huỳnh Minh	Khan	10/09/2004	Nam	8,5	3,5	6,0	010			
11	110122227	Phan Đăng	Khoa	30/07/2003	Nam	8,6	4,8	6,7	011			
12	110122229	Huỳnh Quốc	Lâm	19/11/2004	Nam							
13	110122230	Nguyễn Thành	Lợi	10/05/2004	Nam	4,0						
14	110122231	Hồ Lý Minh	Lữ	14/10/2004	Nam	9,4	5,8	7,6	014			
15	110122232	Thạch	Minh	25/03/2003	Nam	9,2						

Tổng số sv, hs trên danh sách: 15
Tổng số sv, hs dự đánh giá: 10
Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 10
Tổng số tờ:

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 02 tháng 5 năm 2023

Cán bộ coi thi 1: Trần Thị Ngọc Thiện

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ ghi điểm: Sơn Sơn Tây

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Lành

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH
HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ

K2 ĐGMH_BM 1a
2413
D71.104

7

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Triết học Mác - Lênin (180050)
Số tín chỉ 3
Nhóm/Lớp: (17 -)/DA22TTD
CBGD: Nguyễn Văn Phương (00341)

Hình thức đánh giá: Trắc nghiệm
Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc 24/03/2023
Phòng thi: D71.104

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đối tượng SV	Ghi chú
1	110122028	Liễu Kiện	An	23/05/2004	Nam	8,7	5,3	7,0	001	AN		
2	110122054	Trần Lâm Phú	Đức	18/01/2004	Nam	8,8	6,0	7,4	002	Đức		
3	110122055	Trần Minh	Đức	03/01/2004	Nam	8,8	4,8	6,8	003			
4	110122056	Hồ Nguyễn Quốc	Dũng	19/08/2004	Nam	8,9	5,0	7,0	004			
~~5~~	~~110122057~~	~~Châu Huỳnh~~	~~Duy~~	~~21/11/2004~~	~~Nam~~							vắng
6	110122058	Đào Công	Duy	17/06/2004	Nam	8,5	3,3	5,9	004			
7	110122059	Huỳnh Khánh	Duy	29/12/2004	Nam	9,3	5,3	7,3	007			
8	110122060	Lê Hà	Duy	19/08/2004	Nam	9,4	5,0	7,2	008			
9	110122061	Nguyễn Lê	Duy	26/06/2003	Nam	8,5	6,3	7,4	009			
10	110122062	Nguyễn Thanh	Duy	26/02/2004	Nam	8,4	4,8	6,6	010			
11	110122064	Trương Mỹ	Duyên	18/06/2004	Nữ	8,9	4,0	6,5	011			
12	110122066	Trương Hoàng	Giang	15/11/2004	Nam	8,4	2,8	5,6	012			
13	110122068	Võ Chí	Hải	21/02/2004	Nam	8,3	3,8	6,1	013			
14	110122069	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	02/11/2004	Nữ	9,5	3,8	6,7	014			
15	110122070	Đỗ Gia	Hào	23/03/2004	Nam	8,4	5,0	6,7	015	Hào		
16	110122071	Lâm Nhật	Hào	21/11/2004	Nam	8,9	4,8	6,9	016	Hạo		
17	110122073	Trần Công	Hậu	27/07/2004	Nam	8,6	4,0	6,3	017			
18	110122074	Đàm Thúy	Hiền	14/12/2004	Nữ	9,4	4,5	7,0	018			
19	110122075	Đặng Minh	Hiếu	28/08/2004	Nam	8,9	4,5	6,7	019			
20	110122076	Phạm Trung	Hiếu	13/01/2004	Nam	9,5	4,3	6,9	020			

Tổng số sv, hs trên danh sách: 20
Tổng số sv, hs dự đánh giá: 19
Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 19
Tổng số tờ: 19

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 25 tháng 5 năm 2023

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Anh Phi

Cán bộ ghi điểm: Sơn Sơn Ba

Cán bộ coi thi 2:.....

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Lành

Ngày in : 09/03/2023 10:31, 1 - 2022

K2

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH
HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ

ĐGMH_BM 1a

2413
D71.105

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Triết học Mác - Lênin (180050)
Số tín chỉ 3
Nhóm/Lớp: (17 -)/DA22TTD
CBGD: Nguyễn Văn Phương (00341)

Hình thức đánh giá: Trắc nghiệm
Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc: 24/3/2023
Phòng thi: D71.105

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đối tượng SV	Ghi chú
1	110122077	Huỳnh Minh Khải	Hoàn	19/08/2004	Nữ	8,3	4,3	6,3	001	Hoàn		
2	110122078	Nguyễn Văn	Hoàng	18/09/2004	Nam	8,5	4,8	6,7	002	Hoàng		
3	110122079	Nguyễn Phi	Hùng	08/05/2003	Nam	8,4	4,0	6,2	003	Hùng		
4	110122081	Trần Tấn	Hưng	13/02/2004	Nam	8,7	4,0	6,4	004	Hưng		
5	110122082	Châu Thị Mỹ	Hương	15/05/2004	Nữ	9,2	5,0	7,1	005	Hương		
6	110122083	Đỗ Thị Kim	Hương	02/05/2004	Nữ	9,1	4,3	6,7	006	Hương		
7	110122084	Đỗ Thành	Huy	22/11/2003	Nam							Vắng
8	110122085	Nguyễn Vũ Gia	Huy	19/02/2004	Nam							Vắng
9	110122086	Lê Tuấn	Kha	07/01/2004	Nam	8,9	4,3	6,6	009	Kha		
10	110122087	Trầm Tấn	Khá	11/03/2004	Nam	8,9	4,0	6,5	010	Khá		
11	110122089	Phan Đình	Khải	05/03/2004	Nam	8,5	4,8	6,7	011	Khải		
12	110122090	La Thuấn	Khang	28/06/2004	Nam	8,3	5,3	6,8	012	Khang		
13	110122092	Ngô Huỳnh Quốc	Khang	15/10/2003	Nam	8,9	4,5	6,7	013	Khang		
14	110122093	Hồ Anh	Khoa	28/11/2004	Nam	9,0	3,8	6,4	014	Khoa		
15	110122094	Nguyễn Đinh Tuấn	Khoa	05/05/2004	Nam	8,6	4,3	6,5	015	Khoa		
16	110122095	Nguyễn Ngọc Anh	Khoa	29/03/2004	Nam	9,1	6,3	7,7	016	Khoa		
17	110122097	Nguyễn Minh	Khởi	07/12/2004	Nam	8,6	5,0	6,8	017	Khởi		
18	110122098	Đặng Gia	Kiệt	04/03/2004	Nam	9,8 Sửa	4,0	6,9	018	Kiệt		9,8 Sửa
19	110122099	Hoàng Tuấn	Kiệt	03/10/2004	Nam	8,4	3,8	6,1	019	Kiệt		8,4 Sửa
20	110122100	Huỳnh Quốc	Kiệt	04/01/2004	Nam	8,9 Sửa	3,5	6,2	020	Kiệt		8,9 Sửa

Tổng số sv, hs trên danh sách: 20
Tổng số sv, hs dự đánh giá: 18
Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 18
Tổng số tờ:

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 05 tháng 5 năm 2023

Cán bộ coi thi 1: Huỳnh Minh Nghiệp

Cán bộ ghi điểm: Sơn Sơn Hòa

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra:

Nguyễn Thị Lành

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH
HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ

K2 ĐGMH_BM 1a
2413
D71.106

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Triết học Mác - Lênin (180050)
Số tín chỉ 3
Nhóm/Lớp: (17 -)/DA22TTD
CBGD: Nguyễn Văn Phương (00341)

Hình thức đánh giá: TN
Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc: 24/3/2023
Phòng thi: D71.106

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đối tượng SV	Ghi chú
1	110122101	Phùng Quốc	Kiệt	02/09/2004	Nam	9,2	8,0	8,6	001			9,2
2	110122102	Nguyễn Hoàng	Lăm	08/09/2004	Nam	8,8	5,5	7,2	002			8,8
3	110122103	Hà Gia	Lộc	22/08/2004	Nam	8,3	5,3	6,8	003			8,3
4	110122105	Nguyễn Đỗ Thành	Lộc	13/03/2004	Nam	8,3	5,3	6,8	004			
5	110122106	Mai Hồng	Lợi	06/04/2003	Nam	8,8	1,8	5,3	005			
6	110122243	Phạm Duy	Tân	24/02/2004	Nam	8,4	4,5	6,5	006			
7	110122245	Trần Thiện	Thông	04/12/2004	Nam							
8	110122246	Trần Thanh	Thưởng	07/07/2004	Nam	9,2	5,0	7,1	008			
9	110122248	Nguyễn Thanh	Triệu	21/09/2004	Nam	8,8	4,3	6,6	009			
10	110122249	Lâm Tinh	Tú	23/11/2004	Nữ	9,2	6,5	7,9	010			
11	110122250	Nguyễn Huỳnh Nhật	Tuyên	02/07/2004	Nữ	8,4	4,3	6,4	011			
12	110122251	Trầm Thị Như	Ý	27/07/2004	Nữ	9,2	4,0	6,6	012			

Tổng số sv, hs trên danh sách: 12
Tổng số sv, hs dự đánh giá: 11
Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 11
Tổng số tờ: 11

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 05 tháng 5 năm 2023

Cán bộ coi thi 1: Phùng Kim Hậu

Cán bộ ghi điểm: Sơn Sơn Ca

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Lành